

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST

Ngày: 29/5/2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Xuân Đỉnh**

2. Bà **Hoàng Thị Lợi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hùng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** – Kiểm sát viên

Trong các ngày 03/5/2018 và 29/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST-KDTM ngày 15/12/2017 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXX-ST ngày 15/3/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng V**; trụ sở: Phố H, quận Đ, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: đường N, quận T, thành phố Hà Nội. (Có mặt người đại diện theo ủy quyền)

Bị đơn: **Công ty M**; trụ sở cũ: Thị trấn Đ, huyện A, thành phố Hà Nội; hiện không rõ địa chỉ hoạt động mới; đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số 7 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Anh **Vũ Xuân T**; chức vụ: Giám đốc; nơi cư trú cũ: Thị trấn Đ, huyện A, thành phố Hà Nội; từ tháng 5/2015 đã bán nhà, chuyển hộ khẩu đến Phố V, phường H, quận M, thành phố Hà Nội; là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Hoàng Thị Bích D**; nơi cư trú cũ: Thị trấn Đ, huyện A, thành phố Hà Nội; từ tháng 5/2015 đã bán nhà, chuyển hộ khẩu đến Phố V, phường H, quận M, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)
- Ông **Hoàng Văn H**, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thị trấn Đ, huyện A,

thành phố Hà Nội; (Có mặt)

3. Bà *Phạm Thị P*, sinh năm 1956; nơi đăng ký hộ khẩu: Xã N, huyện T, tỉnh B; nơi tạm trú: Thị trấn Đ, huyện A, thành phố Hà Nội (vợ ông H) (Vắng mặt)
4. Anh *Hoàng Văn T*, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thị trấn Đ, huyện A, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Đường H, thành phố S, tỉnh Đ; (con ông H, đề nghị xử vắng mặt)
5. Chị *Hoàng Thị D*, sinh năm 1978 (con ông H) (Vắng mặt)
6. Cháu *Nguyễn Thanh G*, sinh năm 2012 (con chị D, vắng mặt)
Cùng nơi cư trú: Thị trấn Đ, huyện A, thành phố Hà Nội
7. Ông *Hoàng Công T*, sinh năm 1948 (Vắng mặt)
8. Bà *Đỗ Thị H*, sinh năm 1956 (Vắng mặt)
Cùng nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị *Hoàng Thị D* là người đại diện theo pháp luật của cháu *Nguyễn Thanh G*. (Vắng mặt)
2. Ông *Hoàng Văn H* là người đại diện theo ủy quyền của bà *Phạm Thị P* và chị *Hoàng Thị D* (Giấy ủy quyền ngày 11/3/2018, có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Luật sư *Phạm Xuân H* và luật sư *Thạch Quang T* thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông *Hoàng Văn H*. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết 03 hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo gồm:

- Hợp đồng tín dụng số LD1215600026 ngày 04/6/2012 với số tiền vay là 450.000.000đ. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay thanh toán một phần tiền mua 02 bộ dầm máy ép cọc thủy lực 300 tấn tải. Phương thức vay trả góp giải ngân 1 lần bằng chuyển khoản. Lãi suất 20%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất + biên độ 9%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn sau khi đã được điều chỉnh. Vào ngày 15 hàng tháng, bên vay phải trả 12.500.000đ gốc + lãi, kỳ đầu tiên là 15/6/2012. Biện pháp bảo đảm tiền vay bằng nhà đất tại thửa số 28 tờ bản đồ 94, số 29 tổ K2A thị trấn A đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông *Vũ Công S* và bà *Ngô Thị Bích L* theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất công chứng số 196.2012/HĐTC ngày 12/3/2012 tại Văn phòng công chứng N.

+ *Khế ước nhận nợ số 01 ngày 04/6/2012 có số tiền được vay là*

450.000.000đ; số tiền đã nhận nợ là 0đ; số tiền nhận nợ lần này là 450.000.000đ; thời hạn vay 36 tháng từ 04/6/2012 đến 04/6/2015;

- Hợp đồng tín dụng số LD1235200117 ngày 20/12/2012 với số tiền vay là 734.800.000đ. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay thanh toán tiền mua xe tải gắn cầu theo hợp đồng mua bán xe số 52 ngày 29/10/2012. Phương thức vay trả góp giải ngân 1 lần bằng chuyển khoản. Lãi suất 15%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất + biên độ 6%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn sau khi đã được điều chỉnh. Vào ngày 25 hàng tháng, bên vay phải trả 20.400.000đ gốc và lãi; riêng kỳ cuối cùng trả 20.800.000đ gốc. Biện pháp bảo đảm tiền vay bằng nhà đất tại thửa số 138 tờ bản đồ 62 tổ 19 thị trấn A đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL699270 ngày 26/12/2007 cho ông Hoàng Văn H và bà Phạm Thị P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất công chứng số 2007.2012/HĐTC ngày 18/12/2012 tại Văn phòng công chứng N.

+ *Khế ước nhận nợ số 01 ngày 20/12/2012* có số tiền được vay là 734.800.000đ; số tiền đã nhận nợ là 0đ; số tiền nhận nợ lần này là 734.800.000đ; thời hạn vay từ 20/12/2012 đến 20/12/2015.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 190613-655411-01-SME ngày 25/6/2013 với hạn mức tín dụng là 2.500.000.000đ bao gồm toàn bộ dư nợ hiện tại. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay thanh toán tiền mua xe tải gắn cầu theo hợp đồng mua bán xe số 52 ngày 29/10/2012. Phương thức vay trả góp giải ngân 1 lần bằng chuyển khoản. Lãi suất 15%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất + biên độ 6%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn sau khi đã được điều chỉnh. Vào ngày 25 hàng tháng, bên vay phải trả 20.400.000đ gốc và lãi; riêng kỳ cuối cùng trả 20.800.000đ gốc. Biện pháp bảo đảm tiền vay bằng nhà đất tại thửa số 138 tờ bản đồ 62 tổ 19 thị trấn A đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL699270 ngày 26/12/2007 cho ông Hoàng Văn H và bà Phạm Thị P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất công chứng số 2007.2012/HĐTC ngày 18/12/2012 tại Văn phòng công chứng N.

+ *Khế ước nhận nợ số 250613-655411-01-SME ngày 25/6/2013* có số tiền được vay là 2.500.000.000đ; số tiền đã nhận nợ là 0đ; số tiền nhận nợ lần này là 2.030.000.000đ; thời hạn vay từ 25/6/2013 đến 25/12/2013; trả nợ gốc 1 lần cuối kỳ; lãi suất 13%/năm; điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất + biên độ 3,5%/năm; phương thức giải ngân chuyển khoản bằng ủy nhiệm chi.

- Tổng số tiền nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ là 3.214.800.000đ (Ba tỷ hai trăm mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng) gồm:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1215600026 ngày 04/6/2012 là 450.000.000đ

+ Hợp đồng tín dụng số LD1235200117 ngày 20/12/2012 là 734.800.000đ

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 190613-655411-01-SME ngày 25/6/2013 là 2.030.000.000đ.

- Trước khi nguyên đơn đồng ý cho giải chấp tài sản bảo đảm đứng tên ông Vũ Công S và bà Ngô Thị Bích L, bị đơn đã trả nợ được tổng số tiền là 677.571.104đ, trong đó: tiền gốc là 404.000.000đ và tiền lãi trong hạn là 273.570.449đ gồm:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1215600026 ngày 04/6/2012 là 200.000.000đ gốc và 92.598.335đ lãi trong hạn.

+ Hợp đồng tín dụng số LD1235200117 ngày 20/12/2012 là 204.000.000đ gốc và 89.328.481đ lãi trong hạn.

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 190613-655411-01-SME ngày 25/6/2013 là 0đ gốc và 91.643.633đ lãi trong hạn.

- Ngày 09/10/2014, nguyên đơn đã giải chấp tài sản bảo đảm đứng tên ông Vũ Công S và bà Ngô Thị Bích L theo Thông báo số 1645/2017/TB-VPB sau khi khoản nợ của bị đơn được thanh toán số tiền là 2.376.815.885đ, trong đó gốc là 2.280.000.000đ và 96.815.885đ lãi quá hạn gồm:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1215600026 ngày 04/6/2012 là 250.000.000đ gốc và 42.953.838đ lãi quá hạn.

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 190613-655411-01-SME ngày 25/6/2013 là 2.030.000.000đ gốc và 53.862.047đ lãi quá hạn.

- Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa để các đương sự hòa giải, ngày 22/5/2018 gia đình ông Hoàng Văn H đã trả nợ thay bị đơn số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) và nguyên đơn đã giải chấp tài sản bảo đảm đứng tên ông Hoàng Văn H, bà Phạm Thị P theo Thông báo giải chấp ngày 22/5/2018. Số tiền trên nguyên đơn đã thu vào gốc lãi của Hợp đồng tín dụng số LD1235200117 ngày 20/12/2012 là 530.800.000đ gốc và 369.200.000đ lãi quá hạn.

- Tính đến ngày 22/5/2018, toàn bộ nợ gốc của 03 hợp đồng tín dụng đã được thanh toán hết, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền lãi quá hạn là 415.125.781đ (Bốn trăm mười lăm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi một đồng) gồm:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1215600026 ngày 04/6/2012 là 25.5080.832đ.

+ Hợp đồng tín dụng số LD1235200117 ngày 20/12/2012 là 111.174.045đ

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 190613-655411-01-SME ngày 25/6/2013 là 278.442.903đ.

Nay nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ tiền gốc, toàn bộ tiền phạt chậm trả lãi, một phần tiền lãi quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất công chứng số 2007.2012/HĐTC ngày 18/12/2012 tại Văn phòng công chứng N đứng tên ông Hoàng Văn H, bà Phạm Thị P và giữ yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho

nguyên đơn số tiền lãi quá hạn còn nợ là 415.125.781đ (Bốn trăm mười lăm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi một đồng).

* Khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của bị đơn cũng không có mặt tại nơi cư trú do đã bán nhà, không biết địa chỉ nơi chuyển đến. Tòa án đã đưa toàn bộ cổ đông sáng lập vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 18/12/2017, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 766928/17 thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của bị đơn do bị đơn ngừng hoạt động quá 01 năm không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế. Sau khi Tòa án có quyết định chỉ định một trong số cổ đông sáng lập là ông Hoàng Công T làm người đại diện theo pháp luật của bị đơn thì Tòa án cũng xác minh được địa chỉ nơi chuyển đến của anh Vũ Xuân T. Tuy nhiên, anh Vũ Xuân T không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không có bản tự khai và Tòa án cũng không ghi được lời khai của anh Vũ Xuân T do anh T thường xuyên không có mặt ở nhà.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Công T và bà Đỗ Thị H trình bày ông là bố mẹ của chị Hoàng Thị Bích D, chị Duyên là vợ của anh Vũ Xuân T. Trước đây anh T thành lập công ty nhưng ông bà không biết công ty của anh T kinh doanh gì. Sau đó, vợ chồng anh T nhờ ông bà ký các giấy tờ để ông bà làm cổ đông của công ty. Vì muốn giúp các con làm ăn nên ông bà ký một số văn bản nhưng không biết nội dung. Ông bà không góp vốn hay tham gia tổ chức, điều hành hoạt động của công ty. Ông bà không có trách nhiệm gì đối với khoản nợ của công ty. Năm 2015, ông bà biết công ty làm ăn thua lỗ, vợ chồng anh T phải bán nhà để trả nợ. Từ đó đến nay ông bà không có liên lạc được với vợ chồng anh T, không biết vợ chồng anh T ở đâu. Ông bà đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt ông bà.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn H, bà Phạm Thị P trình bày ông bà là bố mẹ của anh Hoàng Văn T. Anh Thái là bạn của anh Vũ Xuân T. Năm 2012, anh Thái muốn đóng cổ phần vào công ty của anh T nên đã đề nghị ông bà cho mượn nhà đất để thế chấp vay vốn ngân hàng. Nay ông bà đã tự nguyện trả nợ thay bị đơn số tiền 900.000.000đ và đã được nguyên đơn giải chấp tài sản bảo đảm của ông bà. Số tiền ông bà đã trả nợ thay bị đơn thì bị đơn và vợ chồng anh T phải có trách nhiệm trả lại cho gia đình ông bà nhưng ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này hai bên không thỏa thuận được, ông bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn T vắng mặt tại nơi cư trú, không có bản tự khai, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hoàng Văn H không có ý kiến gì về khoản nợ lãi quá hạn còn lại của bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn là chấp hành tốt; bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành tốt; đề xuất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn; đình chỉ giải quyết các yêu cầu về tiền gốc, tiền phạt chậm trả lãi, một phần tiền lãi và việc xử lý tài sản bảo đảm do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do không tìm được địa chỉ của bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn nên sau khi bị đơn bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Tòa án đã chỉ định ông Hoàng Công T làm người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Sau này Tòa án xác minh được anh Vũ Xuân T và chị Hoàng Thị Bích D đã chuyển hộ khẩu và đến ở tại Phố V, phường H, quận M, thành phố Hà Nội thì Quyết định chỉ định người đại diện theo pháp luật không còn giá trị.

[2] Đình chỉ giải quyết các yêu cầu sau đây của nguyên đơn do đã rút tại phiên tòa gồm:

[2.1] Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Hoàng Văn H, bà Phạm Thị P được công chứng số 2007.2012/HĐTC ngày 18/12/2012 tại Văn phòng công chứng N; đăng ký thế chấp ngày 19/12/2012 do ông Huê, bà Phương đã trả nợ thay bị đơn số tiền 900.000.000đ và nguyên đơn đã giải chấp tài sản bảo đảm.

[2.2] Yêu cầu bị đơn trả nợ gốc do ông Hoàng Văn H và bà Phạm Thị P đã trả nợ thay bị đơn.

[2.3] Yêu cầu bị đơn trả nợ tiền lãi phạt chậm trả.

[2.4] Một phần tiền lãi do ông Hoàng Văn H và bà Phạm Thị P đã trả nợ thay bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi quá hạn của các hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ tính đến ngày 29/5/2018 là 415.125.781đ, nhận thấy:

[3.1] Thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trong các hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng; Điều 11 quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

[3.2] Những lần điều chỉnh lãi suất theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng phù hợp với các Quyết định ban hành biểu lãi suất của nguyên đơn và quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về việc đòi nợ tiền lãi quá hạn còn lại của 03 hợp đồng tín dụng.

[4] Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005; Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Ngân hàng nhà nước;

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về toàn bộ tiền nợ gốc, một phần tiền lãi quá hạn, toàn bộ tiền lãi phạt chậm trả và xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp do nguyên đơn rút yêu cầu.

Buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn tiền lãi quá hạn còn nợ của các Hợp đồng tín dụng số LD1215600026 ngày 04/6/2012, Hợp đồng tín dụng số LD1235200117 ngày 20/12/2012 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 190613-655411-01-SME ngày 25/6/2013 với số tiền là 415.125.781đ (Bốn trăm mười lăm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi một đồng).

Bị đơn phải nộp 20.605.000đ (Hai mươi triệu sáu trăm lẻ năm triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.564.000đ (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn đồng) theo biên lai số 1032 ngày 14/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện A
- Chi cục thi hành án dân sự huyện A
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Phạm Thị Hoàng Phúc

